TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 05/2026/KDTM-PT
Ngày 16 – 3 – 2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí.

Các Thẩm phán:

1. Bà Tăng Trần Quỳnh Phương.

2. Ông Đỗ Cao Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Diễm Lệ – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 16 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 15/2025 /TLPT- KDTM ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc: tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/KDTM-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 686/2025/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần T1** (gọi tắt: Công ty T1). Trụ sở: Số B, Lê Vĩnh H, khóm H, phường L, tỉnh Cà Mau. *Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Kim A** - Chức vụ: Giám đốc. *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông **Cao Quốc T**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số B, P, khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền ngày 27/02/2025)(Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Trần Hoàng L**, sinh năm 1966 - Chủ hộ kinh doanh H. Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Dũng L1**, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Công ty Cổ phần T1 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn Công ty T1 trình bày:

Từ năm 2019 đến năm 2020, Công ty T1 và ông Trần Hoàng L có thỏa thuận giao kết hợp đồng mua bán bằng lời nói, hai bên thỏa thuận.

Công ty T1 bán bia S cho ông Trần Hoàng L để bán lại, mỗi kết két bia có 20 chai thủy tinh, có giá bao nhiêu lâu quá Công ty không nhớ; ông Trần Hoàng L có nghĩa vụ thu gom và trả vỏ chai bia đã qua sử dụng để cho Công ty đến nhà ông Trần Hoàng L thu gom két vỏ chai bia Sài Gòn L đã qua sử dụng. Đến ngày 16/5/2021, hai bên kết toán nợ lại và ông Trần Hoàng L còn nợ số tiền 348.076.000 đồng và 1.838 két vỏ chai bia S. Ông Trần Hoàng L ký giấy cam kết thanh toán công nợ ngày 16/5/2023;

Công ty đã yêu cầu ông Trần Hoàng L thanh toán tiền và giao trả số két vỏ chai bia S Lager theo giấy cam kết nhiều lần, nhưng ông Trần Hoàng L không thực hiện.

Nay, Công ty yêu cầu ông Trần Hoàng L và ông Trần Dũng L1 liên đới trách nhiệm trả cho Công ty số tiền 348.076.000 đồng và 1.838 két vỏ chai bia S đã qua sử dụng. Trường hợp không trả két vỏ chai bia S đã qua sử dụng được thì trả theo giá trị mỗi két vỏ chai Lager đã qua sử dụng có giá 75.000 đồng/két vỏ chai bia S x 1.838 két vỏ chai bia S = 137.850.000 đồng.

Theo bị đơn ông Trần Hoàng L trình bày:

Từ khoảng năm 2018 đến cuối năm 2020, ông có đăng ký hộ kinh doanh Hoàng L và có mua bia Sài Gòn L của Công ty T1 để bán lại cho người tiêu dùng với mục đích hưởng trên lệch mỗi két bia trai có 20 chai thủy tinh với giá 121.000 đồng; sau khi bán cho khách hàng ông được hưởng chênh lệch là 9.000 đồng/két; ông có nghĩa vụ thu gom két bia chai đã qua sử dụng để cho nhân viên Công ty T1 đến nhà của ông thu gom két bia đã qua sử dụng; mỗi vỏ kết bia đã qua sử dụng có giá 75.000 đồng/két. Việc mua bán giữa ông với Công ty T1 thỏa thuận bằng lời nói không có giấy tờ gì thể hiện. Hộ kinh doanh Hoàng L do ông là người đại diện đã giải thể, không còn hoạt động từ năm 2021 đến nay, Cơ quan thuế đã thu hồi giấy chứng nhận kinh doanh của H1 kinh doanh Hoàng L từ năm 2021, ông không còn hoạt động kinh doanh nữa.

Hiện tại, ông còn nợ Công ty T1 số tiền 348.076.000 đồng theo giấy cam kết thanh toán công nợ ngày 16/5/2023 có tại hồ sơ là đúng. Tuy nhiên, số két chai bia 1.838 két vỏ chai S theo giấy cam kết thanh toán công nợ ngày 16/5/2023 là không đúng, trong số 1.838 két vỏ chai này ông có nghĩa vụ thu gom 500 vỏ két về đến nhà của ông tại ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau để cho Công ty T1 đến nhà ông nhận; còn 1.338 két vỏ chai còn lại là do nhân viên Công ty T1 bán nên Công ty T1 phải tự thu gom.

Con trai của ông là Trần Dũng L1, không liên quan đến giao dịch mua bán giữa ông với Công ty cổ phần T1.

Do đó, ông đồng ý một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 là ông trả số tiền 348.076.000 đồng, còn 500 két vỏ chai bia Sài Gòn L thì Công ty T1 có nghĩa vụ đến nhà ông thu gom. Không đồng ý việc Công ty T1 yêu cầu Trần Dũng L1 liên đới trách nhiệm trả nợ cho Công ty. Ông không yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ, định giá đối với két vỏ chai bia Sài Gòn L đã qua sử dụng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2025/KDTM-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần T1. Buộc ông Trần Hoàng L có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần T1 số tiền 348.076.000 đồng và 1.838 két vỏ chai bia S (mỗi két vỏ chai bia S có 20 chai thủy tinh) đã qua sử dụng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần T1 về việc yêu cầu ông Trần Dũng L1 liên đới trách nhiệm với ông Trần Hoàng L trả nợ cho Công ty Cổ phần T1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí, quyền thoả thuận thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06/10/2025, Công ty Cổ phần T1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Buộc ông Trần Hoàng L liên đới với vợ ông L và ông Trần Dũng L1 trả nợ cho Công ty Cổ phần T1 số tiền 348.076.000 đồng và 1.838 két vỏ chai bia S x 75.000đồng/vỏ kết bia = 137.850.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty Cổ phần T1 giữ nguyên kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Cà Mau, theo hướng buộc ông L trả giá trị két vỏ chai bia thành tiền 137.850.000 đồng. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần T1 hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276, Điều 278, Điều 280 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn kháng cáo và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự, theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty yêu cầu ông Trần Hoàng L và ông Trần Dũng L1 liên đới trách nhiệm trả cho Công ty số tiền 348.076.000 đồng và 1.838 két vỏ

chai bia S đã qua sử dụng.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần T1:

[3.1] Tại Công văn số 26/PKT ngày 04/3/2026 của Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cà Mau cung cấp thông tin: Tại thời điểm rà soát (ngày 04/3/2026) hộ ông Trần Hoàng L không đăng ký kinh doanh theo hộ kinh doanh. Do đó, không có căn cứ xác định hộ kinh doanh ông Trần Hoàng L do ai làm chủ hộ và có thành viên nào khác tham gia hộ kinh doanh hay không.

[3.2] Tại Đơn kháng cáo, Công ty Cổ phần T1 yêu cầu ông Trần Hoàng L, ông Trần Dũng L1 (con ông L) và vợ ông L cùng có trách nhiệm trả số tiền do H1 kinh doanh Trần Hoàng L nợ. Lý do yêu cầu ông L1 cùng có trách nhiệm trả nợ là do ông L1 đã ký nhận hàng khi Công ty giao hàng và tài sản của ông Là là tài sản chung của vợ chồng, nên vợ ông L cũng cùng có trách nhiệm trả nợ. Tuy nhiên, căn cứ vào Công văn trả lời của Phòng Kinh tế xã T cung cấp thông tin hộ kinh doanh cá thể Trần Hoàng L không có thành viên hộ. Mặt khác, trong đơn khởi kiện (bút lục 06), nguyên đơn cũng không yêu cầu vợ ông L cùng có trách nhiệm trả nợ. Cho nên, kháng cáo này của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Cũng trong đơn khởi kiện, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông L hoàn trả 1.838 két vỏ chai bia S đã qua sử dụng. Tại phiên toà, nguyên đơn mới đặt ra yêu cầu: Trường hợp không trả két vỏ chai bia S đã qua sử dụng được thì trả theo giá trị mỗi két vỏ chai Lager đã qua sử dụng có giá 75.000 đồng/két vỏ chai bia S x 1.838 két vỏ chai bia S = 137.850.000 đồng. Song, ông L không đồng ý, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của Công ty cổ phần T1 về buộc ông L trả giá trị của 1.838 két vỏ chai bia S.

[3.4] Từ sự phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[4] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Nguyên đơn Công ty Cổ phần T1 không được chấp nhận kháng cáo, nên phải chịu 2.000.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24, 50 của Luật

Thương mại năm 2019; điểm b, c khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần T1. Buộc ông Trần Hoàng L có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần T1 số tiền 348.076.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) và 1.838 két vỏ chai bia S (mỗi két vỏ chai bia S có 20 chai thủy tinh) đã qua sử dụng.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Hoàng L không thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần T1 về việc yêu cầu ông Trần Dũng L1 liên đới trách nhiệm với ông Trần Hoàng L trả nợ cho Công ty Cổ phần T1.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

3.1. Án phí sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Trần Hoàng L phải chịu là 23.437.000 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

- Công ty Cổ phần T1 phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Ngày 21/3/2025, đã dự nộp số tiền 8.702.000 đồng (Tám triệu bảy trăm lẻ hai nghìn đồng) theo biên lai số 0002848 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu án phí. Công ty Cổ phần T1 được hoàn lại số tiền 5.702.000 đồng (Năm triệu bảy trăm lẻ hai nghìn đồng).

3.2. Án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần T1 phải chịu số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Ngày 20/10/2025, Công ty cổ phần T1 có dự nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0002606 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TANDTC tại Thành phố HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Lê Phan Công Trí